

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (8%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123132	TRẦN THỊ KIM NHÀN	DH11KE		<i>Kim Nhàn</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11363193	LÊ THỊ TUYẾT NHI	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363213	PHẠM THỊ HỒNG NHI	CD11CA		<i>Hồng Nhi</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363077	TRẦN THỊ HẢI NHIÊN	CD11CA		<i>Hải Nhiên</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11363051	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD11CA		<i>Thị Nhung</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363194	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD11CA		<i>Thị Nhung</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09117125	TRẦN THỊ MỘNG NHƯ	DH09CT		<i>Thị Mộng</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123077	PHẠM THỊ XUÂN NỮ	DH11KE		<i>Thị Xuân</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG OANH	DH11QT		<i>Hoàng Oanh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09117129	PHẠM THỊ OANH	DH09CT		<i>Thị Oanh</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363131	TRẦN THỊ KIM OANH	CD11CA		<i>Kim Oanh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10141009	MAI THANH PHONG	DH10NY		<i>Thanh Phong</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10130128	HOÀNG NHẬT PHÚ	DH10DT		<i>Nhật Phú</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11164027	TRƯƠNG TẤN PHÚC	DH11TC		<i>Tấn Phúc</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	09117137	HUỶNH THỊ PHI PHỤNG	DH09CT		<i>Thị Phi Phụng</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Lê Thị Hải Anh
Nguyễn Thị Hoàng

Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00920

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (2%)	Đ2 (%)	Điểm thi (8%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO LY	DH11QT		<i>Thảo</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153023	NGUYỄN VĂN	DH10CD		<i>ngân</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09123080	VÕ THỊ	DH09KE		<i>Ly</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	CD11CA		<i>Trúc</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363087	PHAN THỊ THANH	CD11CA		<i>Phan</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11123026	TRẦN THỊ HOA	DH11KE		<i>Hoa</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	CD11CA		<i>Ngọc</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	DH11QT		<i>Thùy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363066	HUỖNH THỊ THANH	CD11CA		<i>Thy</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363067	LÊ THỊ	CD11CA		<i>Thy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363019	NGUYỄN THỊ ÁNH	CD11CA		<i>Anh</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	DH11KE		<i>ngân</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09117113	VÕ LÊ THÚY	DH09CT		<i>Thy</i>	2		8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11131041	LÊ THỊ NHƯ	DH11CH		<i>Nhu</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122028	THÁI NHƯ	DH11QT		<i>Nhu</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	CD11CA		<i>Thảo</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10160068	PHẠM VĂN	DH10TK		<i>Pham</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363192	LÊ THỊ THANH	CD11CA		<i>Nhan</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 3,2; Số tờ: 3,2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2; Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phan Thị Ngọc Mai Anh
Phạm Thanh Bình

Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Trang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD204

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 004 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (đ)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11122140	NGUYỄN THU THẢO	DH11QT	1	Thảo	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	DH11QT	1	Pho	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1	Pho	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	CD11CA	1	Hồng	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123148	MAI THỊ TÚ	DH11KE	1	Tú	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09117171	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH09CT	1	Bích	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11122113	TRỊNH THỊ KIỀU	DH11QT	1	Kiều	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11122141	NGUYỄN THỊ THU	DH11QT	1	Thu	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363202	ĐỖ THỊ KIM	CD11CA	1	Kim	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11363224	HỒ THỊ	CD11CA	1	Hồ	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11164030	NGUYỄN THỊ THU	DH11TC	1	Thu	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	DH11KE	1	Cẩm	2		8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phan Thị Huyền
Phạm Thị Thanh Nhân

Phạm Thanh Bình

Mai Hương Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD204

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 004 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11363095	HỒ TRÚC PHƯƠNG	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11164028	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	DH11TC	1	<i>[Signature]</i>	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11122097	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123140	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363059	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363028	NGUYỄN THỊ QUỲ	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123142	NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO QUYÊN	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123041	VÕ THỊ TÚ QUYÊN	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10116105	HUỖNH TẤN SANG	DH10NT	1	<i>[Signature]</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10363184	CAO THỊ HỒNG SƯƠNG	CD10CA	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11122093	DƯƠNG THẾ TÂM	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123144	NGUYỄN THỊ TÂM	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09142094	HOÀNG CÔNG TẤN	DH09DY	1	<i>[Signature]</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10141016	VÕ THỊ KIM THANH	DH10NY	1	<i>[Signature]</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363097	ĐÀO THỊ THU THẢO	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		7,5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30.....; Số tờ: 30.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
[Signature]

[Signature]
[Signature]

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00915

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD201

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363180	HUỲNH HIẾU HẠNH	CD11CA	1	<i>hnh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11164016	NGUYỄN THỊ HẠNH	DH11TC	1	<i>hnh</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11122050	ĐỒNG THỊ THANH HẠNH	DH11QT	1	<i>hnh</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH	DH11QT	1	<i>hnh</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123102	PHẠM THỊ HẠNH	DH11KE	1	<i>hnh</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363212	PHAN THỊ HẠNH	CD11CA	1	<i>hnh</i>	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363119	NGUYỄN THỊ HẬU	CD11CA	1	<i>hnh</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153012	LÂM QUANG HIỀN	DH10CD	1	<i>hnh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG HIỀN	DH11KE	1	<i>hnh</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123107	NGUYỄN THỊ KIM HIỀN	DH11KE	1	<i>hnh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363029	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	CD11CA	1	<i>hnh</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11122041	TRÀ THỊ MỸ HIỀN	DH11QT	1	<i>hnh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG HIẾU	CD11CA	1	<i>hnh</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11122008	NGUYỄN THỊ HOA	DH11QT	1	<i>hnh</i>	2		6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	CD11CA	1	<i>hnh</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 33; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phan Thị Lê Hằng
Phạm Thanh Bình

Phạm Thanh Bình

Phạm Thanh Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

Mã nhận dạng 00915

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD201

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08142002	NGUYỄN HUỖNH XUÂN AN	DH08DY	1	<i>Xuân</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	DH11TC	1	<i>Cẩm</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09142004	TRẦN THỊ QUỲNH	DH09DY	1	<i>Quỳnh</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	08131010	LÊ DUY	DH08CH	1	<i>Duy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11164001	VÕ QUỐC	DH11TC	1	<i>Quốc</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363164	HUỖNH THÚY	CD11CA	1	<i>Thúy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DH11KE	1	<i>Thùy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11164007	NGUYỄN ANH	DH11TC	1	<i>Anh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153001	NGUYỄN ĐỨC	DH11CD	1	<i>Đức</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DH11KE	1	<i>Mỹ</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DH11KM	1	<i>Thùy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10117038	LÊ THỊ	DH10CT	1	<i>Thị</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09143008	VĂN LỘC	DH09KM	1	<i>Lộc</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11122005	LÊ VĂN	DH11QT	1	<i>Văn</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10117046	DƯƠNG THỊ THU	DH10CT	1	<i>Thu</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363014	PHẠM THỊ	CD11CA	1	<i>Thị</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123096	NGÔ THỊ	DH11KE	1	<i>Thị</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10123049	ĐỖ THỊ	DH10KE	1	<i>Thị</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 33; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phan Thị Lê Hằng

Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Giang

Trang 3/2

Nhóm 09 - Tổ 003 - Đạt 2

Số bài: 39.....; Số tờ: 39.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2
Phạm Đình Châu Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2
Marking Gang

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi PV335

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11160096	LÊ DUY TIẾN	DH11TK	1		2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10160120	TRẦN THỊ HƯƠNG	DH10TK	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08112286	BÙI THỊ THÙY	DH08TY	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08117211	HỒ THỊ THÙY	DH08CT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08112288	LÊ THỊ THANH	DH08TY	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	CD11CA	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11160146	TRẦN THỊ THÙY	DH11TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11363165	THÁI THỊ UYÊN	CD11CA	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11160105	PHẠM TRẦN HỮU	DH11TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11130039	SƠN MINH	DH11DT	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363078	TRƯƠNG CAO	CD11CA	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11160103	PHẠM KINH	DH11TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10120047	PHAN THANH	DH10KT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08116188	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH08NT	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11164037	NGUYỄN THỊ ANH	DH11TC	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	DH11QT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11160113	NGUYỄN THỊ	DH11TK	1		2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11160114	HOÀNG ĐÌNH QUANG	DH11TK	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 39; Số tờ: 39

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Mạnh Cường

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00926

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi PV335

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11164009	VÕ THỊ MINH TÂM	DH11TC	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	07117145	ĐỖ NHẬT TÂN	DH08CT	1		2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11160076	DƯƠNG VĂN TẤN	DH11TK	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10141019	NGUYỄN BẢO THÁI	DH10NY	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10120036	LƯƠNG THỊ THANH	DH10KT	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11164029	TRẦN HOÀNG THANH	DH11TC	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137029	NGUYỄN TĂNG THÀNH	DH10NL	1		2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11160139	THÁI BÁ THÀNH	DH11TK	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11160083	NGUYỄN THỊ THU THẢO	DH11TK	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11160084	PHÙNG THANH THẢO	DH11TK	1		2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11164010	SƠN THỊ THANH THẢO	DH11TC	1		2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11160085	TRẦN PHƯƠNG THẢO	DH11TK	1		2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11160142	CAO ĐÌNH THIÊN	DH11TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11160143	TÔ ĐỨC THỊNH	DH11TK	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11160089	TRẦN THỊ THỊNH	DH11TK	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153044	PHAN CÔNG THỌ	DH10CD	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11160144	ĐỖ VĂN THUẬN	DH11TK	1		2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10117210	NGUYỄN KHẮC TI	DH10CT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 39; Số tờ: 39

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Đình Chung

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Mahway Giang

Ngày tháng năm

Trang 3/2

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 2

Số bài: 38; Số tờ: 38
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2
Thị Lê Thị Nguyệt
Thị Trần Thị Lan

Duyệt của Trưởng Bộ môn
Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2
Mạnh Bình

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (25%)	Đ2 (25%)	Điểm thi (88%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10141007	ĐẶNG HỒNG NGỌC	DH10NY	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11122087	LƯU THỊ BÍCH	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11160065	TRỊNH MINH	DH11TK	1	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363073	TRỊNH THỊ KIM	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11164008	LÂM THẢO	DH11TC	1	<i>[Signature]</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11KM	1	<i>[Signature]</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11122089	LÊ THỊ THANH	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11120089	NGUYỄN HIỀN	DH11KT	1	<i>[Signature]</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10141043	HỒ HỒNG	DH10NY	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11171106	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11KS	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11122139	HUYỀN NGUYỄN QUỲNH	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11160068	PHẠM HẢI	DH11TK	1	<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10160079	TRẦN THỊ HỒNG	DH10TK	1	<i>[Signature]</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11160073	ĐẶNG NHẬT	DH11TK	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11160137	HỨA VĂN	DH11TK	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11131076	LÊ ĐÌNH THẢO	DH11CH	1	<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38; Số tờ: 38

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Lê Thị Ngọc

[Signature]
Phạm Thanh Bình

[Signature]
Mạnh Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00925

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (25%)	Đ2 (25%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11160003	PHAN ANH KHOA	DH11TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10160047	NGUYỄN THỊ DIỄM	DH10TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11159006	VÕ THỊ MỸ	DH11TC	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11131031	NGÔ THỊ HOÀNG	DH11CH	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08112130	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH08TY	1		2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11122020	NGUYỄN THỊ	DH11QT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11122081	PHẠM HÀ KIM	DH11QT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10131028	TRẦN VŨ	DH10CH	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DH11TC	1		2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11160058	LÊ TRẦN	DH11TK	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11160059	CAO TIẾN	DH11TK	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11160134	LÊ ĐỨC	DH11TK	1		2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09120018	VÕ THỊ XUÂN DIỆU	DH09KT	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11131001	NGUYỄN THỊ KHÁNH	DH11CH	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10160059	BÙI HỮU	DH10TK						/	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11120022	NGÔ THỊ THU	DH11KT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10160060	NGUYỄN KIM	DH10TK	1		2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123067	TRẦN THỊ KIM	DH11KE	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38; Số tờ: 38

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 4 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00922

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD205

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 005 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (2%)	Đ 2 (2%)	Điểm thi (2%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363209	VÕ THỊ CẨM TÚ	CD11CA			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11363175	TRỊNH THỊ CẨM TUYỀN	CD11CA			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH TUYỀN	CD11CA			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	CD11CA			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10117250	NGUYỄN THỊ BÉ VÂN	DH10CT			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363127	TRƯƠNG THỊ BÍCH VÂN	CD11CA			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363043	NGUYỄN THỊ VÂN	CD11CA			2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10150100	NGUYỄN HOÀN VỊNH	DH10TM			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10160147	NGUYỄN QUANG VŨ	DH10TK			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123171	NGUYỄN NHƯ Ý	DH11KE			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11143151	PHẠM NHƯ Ý	DH11KM			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD205

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 005 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG THÚY	CD11CA		<i>Đỗ Thị Hồng</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11164031	PHẠM LÊ THANH THÚY	DH11TC		<i>Phạm Lê Thanh</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	CD11CA		<i>Ngô Đoàn Hoài</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363205	PHẠM MINH TIẾN	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10117215	NGUYỄN TRUNG TÍN	DH10CT		<i>Nguyễn Trung</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11122144	NGUYỄN THỊ TÌNH	DH11QT		<i>Nguyễn Thị</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363206	ĐINH THỊ TRANG	CD11CA		<i>Đinh Thị</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09143082	ĐOÀN THỊ ĐOÀN	DH09KM		<i>Đoàn Thị</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363112	QUÁCH ĐÀO THỊ	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09143035	TRỊNH THÙY TRANG	DH09KM		<i>Trịnh Thùy</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10117224	TRƯƠNG VĂN TRĂNG	DH10CT		<i>Trương Văn</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY TRÂM	DH11QT		<i>Đặng Trần</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363207	PHẠM NGỌC TRÂM	CD11CA		<i>Phạm Ngọc</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG TRÂM	CD11CA		<i>Võ Thị</i>	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363114	LÊ THỊ HỒNG TRINH	CD11CA		<i>Lê Thị</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09117197	TÔ THỊ YẾN TRINH	DH09CT		<i>Tô Thị</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363117	NGUYỄN THỊ THU TRƯỜNG	CD11CA		<i>Nguyễn Thị</i>	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10117242	NGUYỄN CÔNG TÚ	DH10CT		<i>Nguyễn Công</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2; Số tờ: 2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Thanh Bình
Phạm Thanh Bình

Phạm Thanh Bình
Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Đan
Mai Hoàng Đan

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01158

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 26/04/2012 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11143168	LÊ THỊ HÀ	DH11KM			1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11171130	LÊ THỊ THU	DH11KS			0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363137	ĐÀO THỊ THU	CD11CA			1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	DH11KE			1	1,5	5,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA			0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11122013	HUỖNH THỊ MỸ	DH11QT			1	1	3,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11171133	VÕ DUY	DH11KS			1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123116	DƯƠNG THỊ TỔ	DH11KE			1	1,5	5,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11143230	PHAN HÙNG BẠNH NHẬT	DH11KM			1	1,5	5,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC			0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11171135	NGUYỄN THỊ LÊ	DH11KS			1	1,5	5,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11171045	HÀ THỊ KIM	DH11KS			1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11171105	NGUYỄN THỊ THÙY	DH11KS			1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11171048	TRẦN VIỆT	DH11KS			0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11171050	NGUYỄN THÀNH LỢI	DH11KS			1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11171054	CAO THỊ QUẾ	DH11KS			1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11363191	NGUYỄN THỊ DIỆP	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 22; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01158

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 26/04/2012 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11171009	NGUYỄN VĂN BA	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1,5	5,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153002	HOÀNG THANH BÌNH	DH10CD		<i>[Signature]</i>	1	1,5	6,8	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11171001	MAI THỊ CHI	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11155001	PHẠM THỊ CHUNG	DH11KN		<i>[Signature]</i>	1	1,5	5,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11171122	BÙI VĂN CƯỜNG	DH11KS		<i>[Signature]</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11171125	NGUYỄN TUẤN DÂN	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11171104	TRƯƠNG NGỌC DIỆU	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11171002	LÊ THỊ KIM DUNG	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1,5	5,8	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11171019	ĐẶNG TIẾN DŨNG	DH11KS		<i>[Signature]</i>	0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11171016	TRẦN ĐÌNH THẾ DUY	DH11KS					0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11171018	VÕ THỊ XUÂN DUYÊN	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1,5	6,6	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11171128	LƯƠNG TẤN ĐẠT	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11138001	TRẦN TIẾN ĐẠT	DH11CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11171129	TRẦN NGỌC ĐẤU	DH11KS		<i>[Signature]</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11171024	LÊ THỊ ĐỎ	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11171025	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11171026	VĂN CÔNG ĐỨC	DH11KS		<i>[Signature]</i>	1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11119006	TRẦN VŨ NGÂN GIANG	DH11CC		<i>[Signature]</i>	1	1,5	7,0	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Đặng Châu Dũng

[Signature]

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01165

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 26/04/2012 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV227

Nhóm Thi : Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11171116	LÊ THỊ CẨM TÚ	DH11KS	1		1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11171093	MAI XUÂN	DH11KS	1		1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11171096	VŨ THỊ	DH11KS	1		1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11171098	ĐÌNH THỊ	DH11KS	1		1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11363125	NGUYỄN HỒNG	CD11CA	1		0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	DH11KE	1		1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11171099	LÊ NGỌC	DH11KS	1		1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01165

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 26/04/2012 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV227

Nhóm Thi : Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11171138	HÀ VĂN NAM	DH11KS	1	<i>Ha</i>	1	1,5	6,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11171055	NGUYỄN CHÂU	DH11KS	1	<i>Nguyen</i>	1	1,5	6,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	CD11CA	1	<i>Nguyen</i>	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11171060	TRẦN THỊ NHUNG	DH11KS	1	<i>Trinhung</i>	1	1,5	6,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11171108	NGUYỄN VĂN NHỰT	DH11KS	1	<i>Trinh</i>	1	1,5	7,2	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11171140	HUỖNH TẤN PHÁT	DH11KS	1	<i>Phat</i>	0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11171141	LÊ VĂN PHỤNG	DH11KS	1	<i>Phung</i>	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11171070	NGUYỄN VĂN QUÝ	DH11KS	1	<i>Phan</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11171109	CHÂU SĨ	DH11KS	1	<i>Phu</i>	1	1,5	6,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154038	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	DH10OT	1	<i>Thanh</i>	0,5	1,5	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11171144	HỒ PHI THÂN	DH11KS	1	<i>Phan</i>	1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11171004	NGÔ THỊ THANH THẾ	DH11KS	1	<i>Thanh</i>	0,5	1,5	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11171112	LÂM PHÁT THUẬN	DH11KS	1	<i>Phu</i>	1	1	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11171082	LÊ THỊ THÚY	DH11KS	1	<i>Phu</i>	1	1,5	6,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯ	DH11KM	1	<i>Phu</i>	1	1,5	6,6	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11171145	CAO HOÀI THƯƠNG	DH11KS	1	<i>Phu</i>	0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11171005	NGUYỄN THỊ THU TRANG	DH11KS	1	<i>Phu</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11171147	LÊ MINH TÚ	DH11KS	1	<i>Phu</i>	0,5	1,5	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*Phạm Thu Phương**Phạm Thu Phương**Phạm Thu Phương*

Trang 5/2

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 2

Mr. G. N. A.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00912

Trang 4/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11131047	LÊ HƯƠNG NGỌC	QUYNH	DH11CH		1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	DH11QT		1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11122107	TỔNG NGỌC HỒNG	THANH	DH11QT		1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11118006	PHẠM TẤN	THÀNH	DH11CC		1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11143200	TRƯƠNG HỮU	THÀNH	DH11KM		1	1	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	DH11QT		0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11118007	LÊ SỸ	THỊNH	DH11CK		0,5	1,5	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11131053	LÊ THỊ KIM	THOẠI	DH11CH		1	1,5	5,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11118005	MAO THANH	THUẬN	DH11CC		1	1,0	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	DH11QT		1	1,5	5,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11363090	PHẠM THỊ LỆ	THÙY	CD11CA		1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	DH11KT		1	1,5	6,6	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	DH11KE		1	1	6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	CD11CA		1	1,5	5,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11131080	NGUYỄN VĂN	TRI	DH11CH		1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	DH11TC		0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11143228	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	DH11KM		0,5	1,5	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11143224	PHẠM THANH	TÙNG	DH11KM		1	1	3,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ: 15

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00912

Trang 3/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10363218	TRẦN THỊ NA	CD10CA		<i>Minh</i>	1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11123028	ĐỒNG THỊ	DH11KE		<i>Thị</i>	1	1,5	6,6	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11131039	HÀ PHÚ	DH11CH		<i>Phú</i>	1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11131040	NGUYỄN ĐÌNH	DH11CH		<i>Đình</i>	1	1,5	5,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10153071	PHẠM KHẢ	DH10CD		<i>Khả</i>	1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11160123	TRẦN THANH	DH11TK		<i>Thanh</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10122108	PHẠM THỊ	DH10QT		<i>Thị</i>	1,0	1,5	6,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11123031	TRẦN HUỖNH YẾN	DH11KE		<i>Yến</i>	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11131009	PHẠM HỮU	DH11CH		<i>Hữu</i>	1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11363146	NGUYỄN THỊ	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	10123135	PHẠM THỊ	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11120109	NGUYỄN THỊ HUỖNH	DH11KT		<i>Huỳnh</i>	1	1,5	6,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11131044	NGUYỄN KHẮC MINH	DH11CH		<i>Minh</i>	1	1,5	5,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11155025	CHÂU THỊ KIM	DH11KN		<i>Kim</i>	1	1,5	5,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11363083	THỊ THỊ MỸ	CD11CA		<i>Mỹ</i>	1	1,5	6,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11138010	LÊ DUY	DH11CD		<i>Duy</i>	1	1,5	6,6	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	DH11KE		<i>Thúy</i>	1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11123039	PHAN THỊ BÍCH	DH11KE		<i>Bích</i>	1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 75

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Hoàng
Trần Thị Quỳnh Như
Nguyễn Thị Bích

Trưởng Bộ môn

Mr Lê Văn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00912

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11131021	PHẠM THANH HIẾU	DH11CH			1	1,5	5,4	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11143007	LÊ THỊ HOA	DH11KM			1	1,5	5,8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10119024	TRẦN THÁI HỌC	DH10CC			1	1	4,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11130078	HUỖNH HÙNG	DH11DT			0,5	1,5	4,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC			1	1,5	5,2	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11155042	HUỖNH NGỌC HUỖNH	DH11KN			0,5	1,5	4,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123016	VŨ THỊ THU HƯƠNG	DH11KE							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123254	PHETVILAY INTHISN	DH11KE			1	1	3,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CK			0,5	1,5	3,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11131072	NGUYỄN DUY KHAI	DH11CH			1	1	4,6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN KHOA	DH11QT			0,5	1,5	4,6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11122018	TRẦN ĐỨC LÂM	DH11QT			1	1	4,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11363062	LƯU THỊ MỸ LOAN	CD11CA			0,5	1,5	4,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11120088	TRẦN THỊ ÁNH LOAN	DH11KT			1	1	4,6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11131035	NGUYỄN HUY LƯƠNG	DH11CH			0,5	1,5	4,2	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11131075	NGUYỄN VŨ ANH MINH	DH11CH			0,5	1,5	4,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11143234	LÊ THỊ MY	DH11KM			0,5	1,5	4,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11123027	TRẦN THỊ MY	DH11KE			1	1	4,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 75

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Thanh
Lê Thị Quỳnh Như
Nguyễn Hồng Minh

Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00912

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11131010	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG AN	DH11CH		<i>Phan</i>	1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	DH11KM		<i>Hoàng</i>	1	1,5	6,6	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11143148	VŨ THỊ NGỌC	DH11KM		<i>Anh</i>	1	1,5	7,4	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123255	VILAYSON BOULETH	DH11KE		<i>Boyleth</i>	1	1	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11143181	PHAN THI CHÂU	DH11KM		<i>Phan</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ CHI	DH11KE		<i>Lechi</i>	0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10122026	TRẦN THỊ DIỄM	DH10QT		<i>Diem</i>	1	1,5	7,0	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363013	ĐẶNG THỊ DINH	CD11CA		<i>Dinh</i>	1	1,5	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	08137010	TRƯƠNG BÁ DUY	DH08NL		<i>Duy</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11143161	TRƯƠNG VĨNH DUY	DH11KM		<i>V.Duy</i>	0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11122063	LÊ HOÀNG THUY MỸ	DH11QT		<i>Thuy</i>	1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11160126	KHÔNG ĐĂNG ĐẠT	DH11TK		<i>Dat</i>	1	1,5	5,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD		<i>Huc</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11143231	NGUYỄN THU HẠNG	DH11KM		<i>Thu</i>	1	1	3,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11143240	NGUYỄN HOÀNG MỸ HÂN	DH11KM		<i>Han</i>	1	1	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123105	VŨ THỊ HẬU	DH11KE		<i>Hau</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10123060	CHÂU THỊ THANH HIỀN	DH10KE		<i>Thuy</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363148	LÊ THỊ HIỀN	CD11CA		<i>Thien</i>	0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 75

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Khanh
Lê Thị Quỳnh Như
Trần Thị Hồng Nhung

Nguyễn Thị Khanh

M. C. N.

Trang 4/3

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 2

Số bài: 56; Số tờ: 56

Ngày tháng năm

1.2: Lê Thị Kim Chung
Lê Thanh Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 01480

Trang 3/3

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11143096	TRỊNH THỊ THU THẢO	DH11KM	1		1	1	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	10160105	NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	DH10TK	1		1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11120016	NGŨ NỮ YẾN	DH11KT	1		0,5	1	5,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11120046	TRƯƠNG THỊ THU	DH11KT	1		1	1	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11143172	TRẦN THANH KIM	DH11KM	1		1	1	6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1		0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11363203	TRẦN THỊ THU	CD11CA	1		0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11120074	BÙI THỊ MINH	DH11KT	1		1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11121006	PHẠM THỊ THƯ	DH11KT	1		0,5	1	3,6	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11122037	TRẦN VĂN TÍ	DH11QT	1		0,5	1,5	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	DH11KE	1		1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	09116173	HUỶNH MINH TRÍ	DH09NT	1		1	1	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	CD11CA	1		1	1	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11122133	NGUYỄN VIỆT TRUNG	DH11QT	1		0,5	1,5	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	09153080	VŨ ĐỨC TRUNG	DH09CD	1		0,8	1,5	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	10130096	TRẦN CÔNG TRỰC	DH10DT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11122123	LÊ THỊ TÚ	DH11QT	1		1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11122122	BÙI KIM TÙNG	DH11QT	1		1	1	6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần, 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01480

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 29/04/2012

Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11120090	NGUYỄN THỊ THU LINH	DH11KT	1		1	1	6,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11143193	NGUYỄN TRẦN BẢO LINH	DH11KM	1		1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11120076	TRẦN SẮC LƯU	DH11KT	1		0,5	1,5	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10363005	LÊ THỊ KIM NGÂN	CD10CA	1		0,5	1,5	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122092	LÊ THỊ YẾN NHI	DH11QT	1		1	1	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11120118	ĐẶNG HỮU NHON	DH11KT	1		0,5	1	4,6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10121003	PHÙNG XUÂN NHƯỢNG	DH10PT	1		0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH PHƯƠNG	CD11CA	1		1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11143087	MAI THỊ PHƯỢNG	DH11KM	1		1	1	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11363214	HUỖNH THỊ THẢO QUYÊN	CD11CA	1		0,5	1	5,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG QUYÊN	DH11KN	1		1	1	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11122104	NGUYỄN THANH SANG	DH11QT	1		1	1	7,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY SANG	DH11KT	1		1	1	6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10143069	ĐÀO VĂN THÁI	DH10KM	1		0,5	1	4,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11122034	NGUYỄN VĂN THÁI	DH11QT	1		1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11122112	TRẦN QUỐC THÁI	DH11QT	1		0,5	1,5	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10363095	ĐINH HIẾU THẢO	CD10CA	1		1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11363100	NGUYỄN THỊ THU THẢO	CD11CA	1		1	1	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 01480

Trang 1/3

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11120026	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	DH11KT	1	Bích	0,5	1,0	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11130002	HOÀNG KIM LÊ CHI	DH11DT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10143005	PHẠM HOÀI CHUNG	DH10KM	1	Chung	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM DUNG	CD11CA	1	Dung	0,5	1,5	6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10143012	TRẦN VĨNH DUY	DH10KM	1	Duy	1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11122049	MAN MINH ĐÀO	DH11QT	1	Đào	1	1	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11143005	HÀ THỊ THU HẬU	DH11KM	1	Hậu	1	1	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH HOA	CD11CA	1	Quỳnh	0,5	1,5	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10116046	PHẠM THẾ HOAN	DH10NT	1	Hoan	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363139	NGUYỄN THỊ HUỆ	CD11CA	1	Huệ	1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11143059	TRẦN THỊ KIM HUỆ	DH11KM	1	Huệ	1	1	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11122075	TRẦN ĐỨC HUY	DH11QT	1	Huy	1	1	3,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11143061	ĐỖ THỊ HUYỀN	DH11KM	1	Huyền	1,0	1,0	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC	1	Hương	0,5	1,5	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10363047	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	CD10CA							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11120098	LÊ HOÀNG KHẢI	DH11KT	1	Khải	1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11122017	NGÔ HƯƠNG LAN	DH11QT	1	Hương	1	1	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11122019	THÁI THANH LÂM	DH11QT	1	Lâm	1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Đỗ Đức Chí Kim Chung
Lê Thanh Hùng

Nguyễn Văn C

Mô Lê Văn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00753

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 23/04/12 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11143132	TRƯƠNG DIỄM TRANG	DH11KM		<i>Trang</i>	1	1	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10142186	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH10DY		<i>Trí</i>	1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10131064	PHẠM MINH TRÍ	DH10CH		<i>Minh Trí</i>	1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11122132	VÕ THỊ DIỄM TRINH	DH11QT		<i>Trinh</i>	0,5	1,5	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10112228	NGUYỄN TUẤN TÚ	DH10TY		<i>Tú</i>	1	1	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10112224	NGUYỄN PHƯƠNG TÙNG	DH10TY		<i>Phuong Tung</i>	1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD		<i>Truong Tuyen</i>	1	1	2,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11143115	HỒ THỊ MINH TUYẾT	DH11KM		<i>Phuong Tuyen</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123060	NGUYỄN VĂN VUI	DH11KE		<i>Vui</i>	1	1	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11122128	XARIDAH	DH11QT		<i>Xaridah</i>			0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08142223	LÊ BAO YẾN	DH08DY		<i>Le Bao Yen</i>	0,5	1,5	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyen T. Huong
Tran Tan Nong

[Signature]

Me Le

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm học 11-12

Mã nhận dạng 00753

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 23/04/12 Giờ thi: 14g45 - phút Phò ng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI PHÚ	DH11KM		<i>Phu</i>	1	1	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10122121	NGUYỄN THỊ PHỤNG	DH10QT		<i>Phu</i>	1	1	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10117159	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	DH10CT		<i>Phu</i>	1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11143089	NGUYỄN THỊ SÂM	DH11KM		<i>Phu</i>	1	1	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11143195	LÊ VĂN THÀNH	DH11KM		<i>Phu</i>			4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11143173	HUỖNH THỊ BÍCH THẢO	DH11KM		<i>Phu</i>	0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO THẮNG	DH10CD		<i>Phu</i>	0,5	1,5	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11143201	TRẦN THỊ THỊNH	DH11KM		<i>Phu</i>	1	1	6,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC THỜI	DH11QT		<i>Phu</i>	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363200	LÊ THỊ THU THƠM	CD11CA		<i>Phu</i>	0,5	1,5	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11122036	PHẠM THỊ THU THÚY	DH11QT		<i>Phu</i>	1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH THU	DH11KM		<i>Phu</i>	1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10112198	NGUYỄN HỮU HOÀNG TIẾN	DH10TY		<i>Phu</i>	1	1	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11122046	LÊ THANH TỊNH	DH11QT		<i>Phu</i>	0,5	1,5	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08141056	ĐẶNG THANH TOÀN	DH08NY		<i>Phu</i>	1	1	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10117219	NGUYỄN THỊ TRANG	DH10CT		<i>Phu</i>	1	1	8,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11143142	TRẦN THỊ KIỀU TRANG	DH11KM		<i>Phu</i>	1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11122118	TRẦN THỊ THẢO TRANG	DH11QT		<i>Phu</i>	1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Thị Ngọc Huyền
Trần Văn T.M. Nguyễn

Nguyễn Văn T.M. Nguyễn

Nguyễn Văn T.M. Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00745

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 23/04/12 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123020	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	DH11KE						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11122082	TRẦN MẠNH LINH	DH11QT		<i>Trần</i>	1	1	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10138049	ĐINH NGỌC LĨNH	DH10TD		<i>Đinh</i>	1	1	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD		<i>Phúc</i>	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122084	NGÔ THỊ KIM MAI	DH11QT		<i>Ngô</i>	1	1	5,6	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10112091	VŨ VĂN MẠNH	DH10TY		<i>Vũ</i>	1	1	8,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	DH11KE		<i>Đỗ</i>	1	1	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11164022	LÊ THỊ NHƯ NGỌC	DH11TC		<i>Ngọc</i>	0,5	0,5	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363076	NGUYỄN HỒ VI NHẢ	CD11CA		<i>Nhà</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10122109	NGUYỄN THỊ KIM NHÂN	DH10QT		<i>Nhân</i>	1	1	7,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10142104	HOÀNG NGỌC NHÂN	DH10DY		<i>Hoàng</i>	0,5	1,5	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH11KT		<i>Hồng</i>	0,5	1,5	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD		<i>Phát</i>	1	1	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27 (VN)

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 4 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Mai
Nguyễn Thị Nguyệt

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00745

Trang 1/2

R22/5/12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 23/04/12 Giờ thi: 14g45 - phút Phò ng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11143121	NGUYỄN THỊ THANH AN	DH11KM			1	1	6,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	07122007	NGUYỄN TUẤN ANH	DH08QT			0,5	1,5	3,8	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10112008	TRẦN ĐỨC AN	DH10TY			0	2	6,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	08116018	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	DH08NT			1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363010	HUỖNH THỊ DIỆU	CD11CA						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10130015	ĐỖ QUỐC DŨNG	DH10DT			1	1	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363003	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	CD11CA			0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363101	BÙI VĂN DƯƠNG	CD11CA			0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122066	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	DH11QT			0	2	7,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11138002	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH11CD						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ HÀ	DH11KM			1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11363026	TRẦN THỊ THU HÀ	CD11CA			1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09130112	NGUYỄN ĐĂNG HẬU	DH09DT			0,5	1,5	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11122009	LÊ THỊ KIM HUỆ	DH11QT			0,5	1,5	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153003	NGUYỄN XUÂN HUY	DH11CD						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11122011	ĐÀO ĐĂNG THANH HUYỀN	DH11QT			1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363046	NGUYỄN HỒNG HUỖNH	CD11CA			1	1	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11120056	LƯƠNG THỊ LINH	DH11KT			0	2	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27 (m)

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 4 năm 2012

Trang 2/2

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

[Handwritten signature]

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00931

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R22/5/12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi RD203

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08138010	PHÚN TIẾN PHÁT	DH08TD		Phát	1	1	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09138042	HỒ CÔNG PHẤN	DH09TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09138044	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	DH09TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT PHƯƠNG	DH11KE		Phu	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09112121	LÊ HOÀNG KHÁNH PHƯƠNG	DH09TY		Phu	1	1	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09138046	CAO THANH SANG	DH09TD		S	0,5	1,5	3,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363219	ĐỖ THỊ THU SƯƠNG	CD11CA		Thu	1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	07111098	NGUYỄN NGỌC NGÂN TÂM	DH08CN		Ngân	1	1	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122052	TRẦN THỊ MINH TÂM	DH11QT		Minh	1	1	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08142155	TRẦN VĂN TẤN	DH08DY		Tan	1	1	6,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08142162	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	DH08DY		Phu	1	1	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08117193	HUỖNH THỊ THU	DH08CT		Thu	0,5	1,5	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10363090	NHỮ THỊ THANH THÙY	CD10CA		Thuy	0,5	1,5	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11160094	LÊ MINH THƯƠNG	DH11TK		Thy	0,5	1,5	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153064	HOÀNG VĂN TRANG	DH10CD		Trang	1	1	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	08142200	HỒ THỊ THẢO TRÂM	DH08DY		Tha	1	1	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	DH11TC		Tram	1	1	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM TRINH	CD11CA		Trinh	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 20; Số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Đăng Lâm
Trưởng Bộ môn

Nguyễn Văn C

Nguyễn Văn C

Trang 2/2

Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

Ms. Lina.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00911

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 22/5/12

Môn Học : Quả n trị họ c (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi RD202

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11131011	TRƯƠNG VĂN BA	DH11CH		Ba	1,0	1,0	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11122058	NGUYỄN VŨ ĐIỂM	DH11QT		Điểm	0,5	1,5	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153044	PHẠM HỮU CƯỜNG	DH09CD		Hữu	0,5	1,5	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11122065	HÀ THỊ HỒNG	DH11QT		H	1	1	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11120099	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH11KT		Đạt	1	1	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11164015	TRẦN THANH GIANG	DH11TC		Thăng	0,5	1,5	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363072	DƯƠNG THỊ HẠNH	CD11CA		Hạnh	0,5	1,5	7,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT		Hiệp	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT		Huy	1	1	5,4	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363216	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09138033	NGUYỄN MINH KHÔNG	DH09TD		Không	0,5	1,5	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10130037	PHẠM THỊ LAN	DH10DT		Lan	0,5	1,5	2,6	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363128	VÕ THỊ MỸ LỆ	CD11CA		Lệ	0,5	1,5	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363053	HÀ THỊ MỸ LỘC	CD11CA		Lộc	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11143236	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KM		Mai	0,5	1,5	4,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH MAI	CD11CA		Mai	0,5	1,5	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ NAM	CD11CA		Nam	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11160063	LÊ VĂN NGHĨA	DH11TK		Nghĩa	1	1	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 18; Số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

Lưu ý: Đ1; Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Thu Phương

Phạm Thu Phương

Phạm Thu Phương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00927

Trang 3/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10143091	LÊ TRỌNG	DH10KM		<i>Trọng</i>	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11363208	LÊ THỊ CẨM	CD11CA		<i>Thị Cẩm</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	DH11KE		<i>Thu</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11123053	LƯU THỊ YẾN	DH11KE		<i>Yến</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10117246	ĐẶNG THỊ HỒNG	DH10CT		<i>Hồng</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	10143098	THÁI THỊ THÚY	DH10KM		<i>Thúy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	09119040	NGUYỄN HÙNG	DH09CC		<i>Hùng</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	08131190	PHAN ĐÌNH	DH08CH		<i>Đình</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11123061	LƯU HOÀN	DH11KE		<i>Hoàn</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10142206	TRẦN THỊ LỆ	DH10DY		<i>Lệ</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	DH11KE		<i>Trường</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 4; Số tờ: 4

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phạm Minh Hiền

Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Trang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm học 11-12

Mã nhận dạng 00927

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (2%)	Đ2 (%)	Điểm thi (8%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123155	NGUYỄN THỊ KIM THÙY	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10141024	TRINH THỊ HỒNG THÙY	DH10NY		<i>Thuy</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11164043	LÊ THỊ THU THÚY	DH11TC		<i>Thuy</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123184	TRẦN THỊ THU THƯỜNG	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10117212	VÕ THỊ THỦY TIỀN	DH10CT		<i>Thuy</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123049	ĐẶNG XUÂN TIẾN	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11143131	HỒ KIỀU TRANG	DH11KM		<i>Thuy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123161	PHẠM MINH TRANG	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC TRÂM	DH11KN		<i>Thuy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11155008	VÕ THỊ NGỌC TRÂM	DH11KN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG TRÂM	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂN	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRINH	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	08117217	LÊ THẢO TRINH	DH08CT		<i>Thuy</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11143143	LÊ THỊ MỸ TRINH	DH11KM		<i>Thuy</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11123186	PHAN THỊ MỸ TRINH	DH11KE		<i>Thuy</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 4; Số tờ: 4

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2, Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phạm Thanh Bình

Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

Mã nhận dạng 00927

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11123129	TRẦN PHỤNG NGÂN	DH11KE			2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123133	NGUYỄN THỊ NHẬT	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	DH11KE			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363196	LÊ THỊ MỸ	CD11CA			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123034	DƯ THỊ MỸ	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09121009	BÙI THỊ QUẾ	DH09KM			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09143075	NGUYỄN VĂN SANG	DH09KM			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11123179	LÝ TỔ SEN	DH11KE			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11123253	KHAMMANNIVONG SIPAPHY	DH11KE			2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123043	NGUYỄN THỊ SOA	DH11KE			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123180	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11363060	NGUYỄN THỊ THANH	CD11CA			2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10143064	ĐOÀN HỮU XUÂN	DH10KM			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123145	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	DH11QT			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123147	PHẠM THỊ THU THẢO	DH11KE			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỆM THU	DH11KE			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123153	PHẠM THỊ MINH THU	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 4; Số tờ: 4

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00910

Trang 5/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11363197	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	CD11CA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG PHÚC	DH11CC	1	<i>[Signature]</i>	8	8	7,1	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ PHƯƠNG	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	8	8	8,4	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11171066	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	DH11KS	1	<i>[Signature]</i>	7	8	6,7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11119010	KIỀU VĂN THÁI SƠN	DH11CC	1	<i>[Signature]</i>	9	8	7,8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	10122134	ĐẶNG VĂN SỰ	DH10QT	1	<i>[Signature]</i>	8	8	8,4	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11123143	NGUYỄN PHÚ TÂM	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	7	8	7,1	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11363199	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	CD11CA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11120015	LÊ CÔNG THẠCH	DH11KT	1	<i>[Signature]</i>	7	8	7,1	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11143194	BÙI THỊ THÁI	DH11KM	1	<i>[Signature]</i>	8	8	7,3	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	11363082	NGUYỄN HOÀNG THANH	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	7,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	11122106	NGUYỄN THỊ THANH	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	8	9	7,2	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	08112244	HUỲNH TIẾN THÀNH	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	0	8,5	7,6	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	DH11KN	1	<i>[Signature]</i>	0	8	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC THẢO	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	0	9	6,7	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 8.4.; Số tờ: 8.1.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature] Nguyễn Thị Quý
[Signature] Trần Văn Tiến
[Signature] Hồ Văn Tiến

[Signature]
Phạm Thanh Bình

[Signature] Lê Văn Quýết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (/16%)	Đ2 (%)	Điểm thi (G%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11363152	TRẦN KIM LOAN	CD11CA	1		7	8	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11143221	HOÀNG THỊ LUYA	DH11KM	1		6	8	8,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11123124	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	DH11KE	1		8	8	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	10117114	NGUYỄN THỊ MAI	DH10CT	1		8,5	8	8,6	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11123024	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE	1		8	9	8,2	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11363063	NGÔ VĂN MINH	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	CD11CA	1		8	8	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11123029	NGUYỄN THY NGÀ	DH11KE	1		8	8	7,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11363179	ĐẶNG THÙY NGÂN	CD11CA	1		8	8,5	8,4	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11123127	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	DH11KE	1		8	8,5	7,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11363145	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	CD11CA	1		7	8	7,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	08112174	CAO TRỌNG NGHĨA	DH08TY	1		9	8,5	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11123131	PHAN THỊ BÍCH NGỌC	DH11KE	1		8	8	7,1	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11122138	TẶNG THỊ NGUYỄN	DH11QT	1		8	9	7,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11143016	NGUYỄN THỊ THANH NHẢ	DH11KM	1		7	9,5	6,6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11363130	TRỊNH HỒNG NHÂN	CD11CA	1		8	8	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	10117146	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH10CT	1		8	8,5	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	DH11KN	1		9	8	7,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 84; Số tờ: 84

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Lưu ý Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00910

Trang 3/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11143155	TRẦN THỊ HUỖN	DH11KM	1		8	8	7,6	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC	1		8	8	6,6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	08112105	NGUYỄN VĂN HƯNG	DH08TY	1		0	8	7,2	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11363011	LUYỆN THỊ HƯƠNG	CD11CA	1		8	8	7,6	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11122014	PHẠM THỊ MỸ	DH11QT	1		8	9	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	08112111	PHẠM THỊ HƯỜNG	DH08TY	1		7	8,5	7,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	08112112	VÕ THỊ HƯỜNG	DH08TY	1		9	8,5	8,4	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11363138	LÊ HUY KHÔI	CD11CA	1		6	8,5	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11122016	TRẦN MINH KHƯƠNG	DH11QT	1		0	8	8,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	07112307	HỒ TRUNG KIÊN	DH08TY	1		7	8	7,3	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11363056	LÊ THỊ DIỆM LAN	CD11CA	1		8	9	6,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11363187	VÕ THỊ HƯƠNG LAN	CD11CA	1		8	9,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	08112132	CHUNG CHÍ LÊ	DH08TY	1		0	8	7,8	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11123120	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	DH11KE	1		0	9,5	8,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH LINH	DH11TC	1		8	9	7,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC	1		0	8	6,2	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	08112141	NGÔ LÊ PHƯƠNG LINH	DH08TY	1		9	8,5	7,6	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	CD11CA	1		8	9,5	7,4	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 8,1; Số tờ: 8,1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Thanh Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00910

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08112066	NGÔ HUỖNH HẢI	DH08TY							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	DH11KE	1	<i>Long</i>	8	8	80	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363181	HUỖNH THỊ MỸ	CD11CA	1	<i>Thanh</i>	8	8,5	6,8	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123101	BÙI THỊ HẠNG	DH11KE	1	<i>Long</i>	9	8	8,6	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122068	CHU THỊ MINH	DH11QT	1	<i>Julie</i>	8	8	7,8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363215	TRẦN THỊ THANH	CD11CA	1	<i>Thi</i>	8	8	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363008	LÊ THỊ NGỌC	CD11CA	1	<i>Long</i>	8	9,5	7,7	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123104	TRƯƠNG THANH HẬU	DH11KE	1	<i>Long</i>	8	8	7,6	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11143212	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH11KM	1	<i>Long</i>	8	8	90	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10112047	PHẠM THỊ THU	DH10TY	1	<i>Long</i>	0	8,5	80	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1	<i>Long</i>	7	9,5	70	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11123011	NGÂN THỊ KIM	DH11KE	1	<i>Long</i>	8	8	6,6	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	DH11KE	1	<i>Long</i>	0	8	7,1	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11122074	HOÀNG THỊ KIM	DH11QT	1	<i>Long</i>	8	8	6,8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC	1	<i>Long</i>	9	8	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11363038	HỒ THỊ KIM	CD11CA	1	<i>Long</i>	0	8,5	80	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11363106	PHẠM THỊ HUYỀN	CD11CA	1	<i>Long</i>	8	8	7,6	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11123015	PHAN THỊ THANH	DH11KE	1	<i>Long</i>	8	8	70	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 84; Số tờ: 84

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Văn
Nguyễn Thị Văn

Phạm Thanh Bình

Nguyễn Thị Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00910

Trang 1/2

Môn Học : Quả n trị họ c (208416) - Số Tí n Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11123001	HOÀNG THỊ KIM ANH	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	8	9,5	80	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11122055	VÕ THỊ NGỌC ANH	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	0	8	7,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363004	TRƯƠNG THỊ BÍCH	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	70	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08112023	NGUYỄN ĐÌNH CẦU	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	80	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	7,2	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08112026	PHẠM PHÙNG MINH CHÍ	DH08TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363132	LƯU DŨ ĐÀN	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	DH11TC	1	<i>[Signature]</i>	8	9	90	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11155041	VŨ THỊ THÙY DUNG	DH11KN	1	<i>[Signature]</i>	9	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363018	ĐẶNG THẾ DŨNG	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	80	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	7	9,5	70	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08112053	NGUYỄN QUANG ĐẠI	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	80	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363022	ĐẶNG VĂN ĐỘ	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	7,8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10117045	NGUYỄN THỊ THẢO EM	DH10CT	1	<i>[Signature]</i>	8	8,5	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10363021	LÊ THỊ THU HÀ	CD10CA	1	<i>[Signature]</i>	8	8	7,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363025	NGÔ THỊ HÀ	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	0	8	80	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11164040	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH11TC	1	<i>[Signature]</i>	0	9	90	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 8; Số tờ: 8

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2; Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi; Điểm thi cuối kỳ.

[Signatures]
Nguyễn Thị Quý
Phạm Thị Xuân
Phạm Văn Dũng

[Signature]
Phạm Thuần Bình

[Signature]
Nguyễn Lê Anh Tuyết

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 2

Số bài: 3; Số tờ: 3
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2
Nguyễn Văn Thanh
Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
Nguyễn Văn Thanh
Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2
Nguyễn Văn Thanh
Trần Thị Thanh Huyền

Ngày 24 tháng 4 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	DH11KM		8	8	6,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11155027	DƯƠNG THÙY	TRÚC	DH11KN		6	8	8,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	09112192	NGUYỄN BÁ	TRUNG	DH09TY		8	8,5	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10153076	TRẦN THÀNH	TRUNG	DH10CD		7	9,5	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	CD11CA		0	8,5	7,3	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	CD11CA		8	8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	DH11KE		8	8	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11363039	LÊ TRUNG	TUYẾN	CD11CA		7	8,5	9,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11363120	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	CD11CA		8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	CD11CA		8	8	5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH11KE		9	8,5	7,7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11363126	TỔNG THỊ	VÂN	CD11CA		7	8	6,3	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11123057	TRẦN THANH	VÂN	DH11KE		8	8	7,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	CD11CA		8	9,5	6,8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	DH11KE		8	8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	10117254	PHAN THỊ KIM	VIÊN	DH10CT		8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11122039	LA HOÀNG	VŨ	DH11QT		8	8	6,8	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10130100	TRỊNH HOÀNG	VŨ	DH10DT		0	9,5	8,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 53.....; Số tờ: 53.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00928

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123157	PHẠM ĐOÀN THUY	DH11KE		<i>Pham</i>	8	8	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11363162	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA		<i>nguyent</i>	8	8,5	7,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	DH11TC		<i>Pham</i>	8	9	7,1	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123158	BÙI MINH TIẾN	DH11KE		<i>Bui</i>	7	8	8,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11155016	VÕ THỊ LỢI	DH11KN		<i>Vo</i>	9	8	8,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123079	LƯU THỊ TÌNH	DH11KE		<i>Tinh</i>	8	9	7,7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08112284	VÕ VĂN TÍNH	DH08TY		<i>Vo</i>	7,5	8	8,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	08112285	LÊ TOÀN	DH08TY		<i>Le</i>	8	8,5	7,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	CD11CA		<i>Dang</i>	8	8	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08142195	BACH NGỌC THIÊN	DH09DY		<i>Bach</i>	8	8	8,2	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363163	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	CD11CA		<i>Dang</i>	8	9	7,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11171088	ĐOÀN KHANG	DH11KS		<i>Doan</i>	7	8,5	7,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE		<i>Nguyen</i>	8	9	7,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11363103	TRẦN HUYỀN	CD11CA		<i>Tran</i>	8	8	7,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11120018	VÕ THỊ THU	DH11KT		<i>Vo</i>	8	8	7,3	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11363113	NGÔ THỊ NGỌC	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	DH11KT		<i>Pham</i>	8	8	7,7	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11123166	VŨ THỊ THANH	DH11KE		<i>Vu</i>	8	8	7,1	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 53; Số tờ: 52

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Anh Kiệt

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00928

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (50%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10112167	NGUYỄN THỊ DA THẢO	DH10TY		<i>Quang</i>	8	8	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363169	TRƯƠNG THỊ THU THẢO	CD11CA		<i>Thu</i>	8	8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09117166	NGUYỄN THỊ THẨM	DH09CT		<i>Thư</i>	9	8	8,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	08112252	DƯƠNG CÔNG THẮNG	DH08TY		<i>Thang</i>	7	8	6,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08161189	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	DH08TA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11164004	PHẠM THỊ NHƯ THẨM	DH11TC		<i>Thang</i>	8	9	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC THIỆU	DH11TC		<i>Nghe</i>	8	9	7,7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11119011	NGÔ QUANG THỊNH	DH11CC		<i>Th</i>	8	8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10117195	NGUYỄN THỊ THO	DH10CT		<i>Th</i>	9	8,5	7,6	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123150	HỒ THỊ THƠ	DH11KE		<i>Thơ</i>	9	9,5	8,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363064	LÊ THỊ MỸ THU	CD11CA		<i>Thư</i>	6	9,5	6,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM THU	DH11KE		<i>Thư</i>	9	8	7,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU THU	DH11KE		<i>Th</i>	8	8	7,4	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363054	PHÙNG THỊ HƯƠNG THU	CD11CA		<i>Thư</i>	8	9,5	7,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122044	HUỖNH VĂN THUẬN	DH11QT		<i>Thư</i>	8	8	8,1	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363107	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD11CA		<i>Thư</i>	7	8,5	7,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363089	VŨ THỊ THANH THÙY	CD11CA		<i>Thư</i>	7	8	7,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363153	HÒA THỊ THÙY	CD11CA		<i>Thư</i>	8	8	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 53; Số tờ: 53

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Tham Thaul Bui

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyen Le Anh Duc

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 02671

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202

Nhóm Thi : Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi Đ1 (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11143100	NGUYỄN THỊ THU	DH11KM	1	<i>Thu</i>	9	8,0	6,6	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	DH11KM	1	<i>Chall</i>	7	8,0	6,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ	DH11KM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	DH11TC	1	<i>Ng</i>	7	8,0	7,3	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122038	TRẦN KHÁNH TRẦN	DH11QT	1	<i>Khánh</i>	8	7,5	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153052	HUYỀN THANH TÙNG	DH10CD	1	<i>Hu</i>	8	8,0	6,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10121022	NGUYỄN HUỖNH VĂN	DH10PT	1	<i>Hu</i>	7	8,0	5,8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123056	PHẠM THỊ CẨM VÂN	DH11KE	1	<i>Phu</i>	6	8,5	8,2	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11118003	LÝ QUANG VƯƠNG	DH11CC	1	<i>Ly</i>	8	8,0	7,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10153054	NGUYỄN DUY VƯƠNG	DH10CD	1	<i>Duy</i>	8	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thanh Bình
Trần K. Cúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Bình

Ngày 18 tháng 5 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02671

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202

Nhóm Thi : Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL	1	<i>Cake</i>	8	8,0	8,2	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11171053	HOÀNG THỊ THANH MAI	DH11KS	1	<i>Uga</i>	8	8,0	8,4	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11123025	PHAN THỊ MAI	DH11KE	1	<i>Phu</i>	0	8,0	8,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363155	VÕ THỊ THÙY NGÂN	CD11CA	1	<i>Nga</i>	7	8,0	7,4	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363218	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA	1	<i>Uga</i>	7	9,0	7,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	DH11KT	1	<i>Phu</i>	9	8,0	6,6	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123134	LÊ THỊ YẾN NHI	DH11KE	1	<i>Hyah</i>	7	8,5	7,3	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11123135	PHẠM HỒ YẾN NHI	DH11KE	1	<i>Phu</i>	0	8,0	8,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11171058	MAI HỒNG NHUNG	DH11KS	1	<i>Uga</i>	7	8,5	7,7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10141010	HỒ VĂN PHÚ	DH10NY	1	<i>Uga</i>	9	8,0	8,6	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11143085	HUỖNH TẤN PHÚC	DH11KM	1	<i>Phu</i>	8	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123037	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DH11KE	1	<i>Phu</i>	9	8,5	6,7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11123040	NGÔ MINH QUÂN	DH11KE	1	<i>Phu</i>	9	9,0	7,9	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10150072	NGUYỄN TẤN SĨ	DH10TM	1	<i>Phu</i>	9	8,0	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153037	HÀ QUANG THÁI	DH10CD	1	<i>Uga</i>	8	8,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11171075	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	DH11KS	1	<i>Phu</i>	8	8,5	7,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10143073	TRẦN THỊ MỸ THOA	DH10KM	1	<i>Phu</i>	7	8,0	6,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123046	VÕ THỊ THOẠI	DH11KE	1	<i>Phu</i>	9	9,0	7,9	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27.....; Số tờ: 27.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Bnh Nguyen Thi Binh
Pham Thanh Binh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Pham Thanh Binh

Cán bộ chấm thi 1&2

Pham Thanh Binh

Ngày 18 tháng 5 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 02662

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201

Nhóm Thi : Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123013	TRINH THỊ HỒNG	DH11KE	1		7	8,0	8,3	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10130029	VŨ NGỌC HÙNG	DH10DT	1		6	8,0	5,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11171036	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	DH11KS	1		8	8,0	8,2	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11155022	TRẦN THỊ DIỄM HƯƠNG	DH11KN	1		8	8,0	7,3	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10117080	THÁI THỊ HUƠNG	DH10CT	1		9	9,0	5,2	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD	1		8	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10153066	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH10CD	1		0	7,5	5,3	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10143036	LÊ TUẤN KIẾT	DH10KM	1		8	8,0	7,7	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11143220	TRẦN NGÔ MỸ LAN	DH11KM	1		7	8,0	8,4	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123119	TRẦN THỊ HUYỀN LAN	DH11KE	1		7	9,0	8,1	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 21; Số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Hồng Nhat

Phan Thanh Binh

Le Anh Phiet

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 02662

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201

Nhóm Thi : Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11171123	TRƯƠNG THỊ CƯỜNG	DH11KS	1	<i>Quang</i>	8	8,5	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10120007	NGUYỄN VÕ HUYỀN	CD11CA	1	<i>Huyền</i>	9	8,5	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11171013	HỒ NGỌC DÌN	DH11KS	1	<i>Minh</i>	8	8,5	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH DUY	DH10KM	1	<i>Minh</i>	0	8,0	7,7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10130016	HOÀNG ĐÌNH DƯƠNG	DH10DT	1	<i>Dương</i>	7	8,0	7,2	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC	1	<i>Đạt</i>	9	8,5	7,7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11130058	VÕ THỊ HỒNG GẤM	DH11DT	1	<i>Gấm</i>	8	8,5	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11143166	PHẠM THỊ ĐA	DH11KM	1	<i>Đa</i>	9	7,5	7,9	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11171028	NGÔ THỊ THÚY HẠNG	DH11KS	1	<i>Thuy</i>	9	8,0	7,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11122070	PHẠM THỊ THÚY HẠNG	DH11QT	1	<i>Thuy</i>	7	8,0	6,7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11130087	NGÔ QUANG HẬU	DH11DT	1	<i>Hau</i>	9	8,0	7,2	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153013	NGÔ HỮU HIẾU	DH10CD	1	<i>Hieu</i>	8	8,0	4,8	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10363172	NGUYỄN THỊ HOA	CD10CA	1	<i>Hoa</i>	8	8,5	7,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123010	PHẠM THỊ HOA	DH11KE	1	<i>Hoa</i>	7	8,5	7,4	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11143009	ĐÌNH THẾ HÒA	DH11KM	1	<i>Ho</i>	7	8,0	7,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD	1	<i>Ho</i>	8	8,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137019	VÕ THẾ HOÀNG	DH10NL	1	<i>Hoang</i>	7	8,0	7,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG	DH11KE	1	<i>Hong</i>	9	9,0	7,9	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

ng. hong chinh
Nguyễn Hồng Chinh

phạm huu binh
Phạm Hữu Bình

Nguyễn Thị Phương Hồng
Nguyễn Thị Phương Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00914

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (25%)	Đ2 (25%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10160034	NGUYỄN THỊ XUÂN HIẾU	DH10TK			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11122137	ĐẶNG THỊ	DH11QT			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11122072	NGUYỄN THỊ	DH11QT			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11120062	NGUYỄN LƯU	DH11KT			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11160047	VÕ BÁ	DH11TK			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363030	HOÀNG THỊ	CD11CA			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11143178	TRẦN THỊ MINH	DH11KM			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11160049	PHAN THỊ NGỌC	DH11TK			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	DH11QT			2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10160040	NGUYỄN THANH	DH10TK			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363070	THÁI THỊ	CD11CA			2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10160043	HOÀNG VĂN	DH10TK			2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2; Số tờ: 2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00914

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (2%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10141002	LÊ VĂN TRƯỜNG AN	DH10NY		<i>Thanh</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08112005	PHẠM TRƯỜNG AN	DH08TY		<i>Pham</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11164006	ĐÀO THỊ BÌNH	DH11TC		<i>Thinh</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10117007	NGUYỄN THANH BÌNH	DH10CT		<i>Pham</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11160001	TRỊNH PHƯỚC BÌNH	DH11TK		<i>Phuoc</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11122048	VÕ THỊ KIM CHI	DH11QT		<i>Chi</i>	2		8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09119006	NGUYỄN THANH DANH	DH09CC		<i>Pham</i>	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỶ DUYÊN	DH11TC		<i>Pham</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11160037	VÕ TRƯỜNG GIANG	DH11TK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10123042	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH10KE		<i>Thu</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123009	THÁI THỊ HẢI	DH11KE		<i>Thai</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11160040	TRẦN QUANG HẢI	DH11TK		<i>Pham</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11122134	HUỖNH THỊ HẢO	DH11QT		<i>Pham</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363027	ĐOÀN THỊ HẰNG	CD11CA		<i>Hang</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363149	HỒ PHƯƠNG HẰNG	CD11CA		<i>Hang</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363182	HUỖNH THỊ THÙY HẰNG	CD11CA		<i>Hang</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11143246	PHẠM THANH HẰNG	DH11KM		<i>Pham</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11143216	TRẦN THỊ HIỀN	DH11KM		<i>Pham</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2; Số tờ: 29

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Pham Thanh Binh

Pham Thanh Binh

Pham Thanh Binh

Pham Thanh Binh

Pham Thanh Binh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00913

Trang 3/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11123117	NGUYỄN THANH LAN	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11123019	BÙI THỊ MỸ	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10117102	LÊ THỊ KIỀU	DH10CT		<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11123021	TÔ KHÁNH	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11123123	TRẦN THỊ MỸ	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11122083	PHẠM NGUYỄN PHI	DH11QT		<i>[Signature]</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11123023	TRỊNH THỊ	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	10143041	TRẦN THỊ	DH10KM		<i>[Signature]</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	10121006	HOÀNG THỊ	DH10PT		<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11123075	NGUYỄN BÍCH	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11QT		<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE		<i>[Signature]</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 12; Số tờ: 12

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
[Signature]

[Signature]
Phạm Thanh Bình

[Signature]
Mãn Hoàng Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00913

Trang 2/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (80%)	Điểm thi (g%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11160038	ĐINH THANH HÀ	DH11TK		<i>Hà</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11KE		<i>Harh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10160027	LÊ ĐIỂM	DH10TK		<i>Điểm</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363184	VƯƠNG THỊ LỆ	CD11CA		<i>Lệ</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123173	PHAN THỊ THU	DH11KE		<i>Thu</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10121007	ĐẶNG THỊ MỸ	DH10PT		<i>Mỹ</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10117055	NGUYỄN THỊ THANH	DH10CT		<i>Thanh</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09117060	LÊ THỊ	DH09CT		<i>Thị</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10143029	VÕ THỊ MỸ	DH10KM		<i>Mỹ</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123109	PHAN NHƯ	DH11KE		<i>Như</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11123110	HÀ THỊ MINH	DH11KE		<i>Minh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11143057	HOÀNG THỊ	DH11KM		<i>Thị</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10120017	VĂN THỊ	DH10KT		<i>Thị</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11122076	TRỊNH MINH	DH11QT		<i>Minh</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11123113	HOÀNG THỊ THU	DH11KE		<i>Thu</i>	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10117074	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH10CT		<i>Ngọc</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	DH11KN		<i>Hoàng</i>	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11143067	HUỖNH THỊ HOÀNG	DH11KM		<i>Hoàng</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Thanh Bình
Nguyễn Thị Ngọc

Phạm Thanh Bình

Mai Hoàng Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00913

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08117009	TRẦN PHẠM THỦY ANH	DH08CT			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123002	TRẦN QUỐC ANH	DH11KE			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11123088	UNG THUY NGOC	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123003	NGUYỄN THIÊN AN	DH11KE			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123072	TÔ THỊ HỒNG CẨM	DH11KE			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11122057	TRỊNH ĐỨC CHÂU	DH11QT			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10121009	MAI HÙNG CƯỜNG	DH10PT			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11171011	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	DH11KS			2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122003	LÊ TIẾN DĂNG	DH11QT			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123172	HUỲNH THỊ DIỆM	DH11KE			2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY DIỆM	DH11KE			2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123169	NGUYỄN HẠNH DUNG	DH11KE			2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08143004	ĐOÀN XUÂN DUY	DH08KM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123004	TRƯƠNG KHẮC DUY	DH11KE			2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10117031	CAO LÊ THẢO DUYÊN	DH10CT			2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123006	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	DH11KE			2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10143022	PHẠM VĂN ĐẠI	DH10KM			2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐEP	DH11KE			2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Thanh Bình

Mai Hương Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00919

Trang 2/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi :

24/04/12

Giờ thi: 09g30 -

phút

Phòng thi HD202

Nhóm Thi :

Nhóm 10 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363048	ĐINH THỊ LIÊN	CD11CA	1		2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10123093	HUỖNH THỊ THÙY	CD11CA	1		2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363189	NGÔ THỊ THÙY	CD11CA	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363150	NGUYỄN THỊ LINH	CD11CA	1		2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11QT	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	CD11CA	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363154	NGUYỄN THỊ THÙY	CD11CA	1		2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11164021	PHẠM MỸ LINH	DH11TC	1		2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363118	TRẦN THỊ MỸ	CD11CA	1		2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09143089	TRẦN THỊ PHƯƠNG	DH09KM	1		2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	CD11CA	1		2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09120014	TRẦN QUANG	DH09KT	1		2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123022	NGUYỄN THỊ LỘC	DH11KE	1		2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11363168	NGUYỄN THỊ LƯU	CD11CA	1		2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11122023	HUỖNH THỊ KIM	DH11QT	1		2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thanh Bình

Nguyễn Văn Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 00919

Trang 1/2

Môn Học : Quản trị học (208416) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 24/04/12 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD202

Nhóm Thi : Nhóm 10 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11363009	NGUYỄN THÚY HỒNG	CD11CA	1	<i>Thuy</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10121014	TỔNG THỊ HỒNG	DH10PT	1	<i>Hồng</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11363023	HUỖNH THANH HÙNG	CD11CA	1	<i>Hùng</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11122010	PHAN ĐÌNH HUY	DH11QT	1	<i>Phan</i>	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363185	LÊ THỊ HUYỀN	CD11CA	1	<i>Le</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363045	NGÔ THỊ KIM HUYỀN	CD11CA	1	<i>Ngô</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11164017	TRẦN NGỌC HUYỀN	DH11TC	1	<i>Huy</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	08150057	DƯƠNG THỊ THIÊN HƯƠNG	DH08TM	1	<i>Thiên</i>	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363049	LÊ THỊ HƯƠNG	CD11CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363186	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	CD11CA	1	<i>M</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08117080	MẠC VĂN HỮU	DH08CT	1	<i>Ma</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11171039	TRẦN HOÀNG KHANG	DH11KS	1	<i>Khang</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11123115	LÊ THỊ HỒNG KHÁNH	DH11KE	1	<i>Khánh</i>	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10141006	ĐOÀN MINH KIẾT	DH10NY	1	<i>Minh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123018	PHAN THỊ HOA LÀI	DH11KE	1	<i>Ho</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11164019	NGUYỄN THỊ LAN	DH11TC	1	<i>lan</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THÂN LANH	CD11CA	1	<i>Lanh</i>	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363188	NGUYỄN THỊ LÊ	CD11CA	1	<i>Le</i>	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Phạm Thanh Bình
Phạm Thanh Bình

Duyệt của Trường Bộ môn

Phạm Thanh Bình
Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Mai Hoàng Giang
Mai Hoàng Giang

Ngày tháng năm